

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h, khoản 2 Điều 39, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà N T K P, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Số X, đường Y, Khu phố Z, phường Thanh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông N T H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số X, đường Y, Khu phố Z, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” là loại việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà N T K P và ông N T H là hợp pháp. Thời gian ông bà chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống. Dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt kết quả, nay ông bà xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N T K P và ông N T H có 01 (một) con chung tên N T K T, sinh ngày 09/12/2017. Ông bà thống nhất giao con chung cho bà N T K P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông N T H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 7 năm 2020.

- Về tài sản chung: Bà N T K P và ông N T H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà N T K P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0027635 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 04/6/2020. Ông N T H không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T K P và ông N T H thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà N T K P và ông N T H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2015 chấm dứt kể từ ngày quyết định này phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà N T K P và ông N T H có 01 (một) con chung là N T K T, sinh ngày 09/12/2017. Ông bà thống nhất giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông N T H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 7 năm 2020.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà N T K P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N T H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định thì hàng tháng ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà N T K P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0027635 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 04/6/2020. Ông N T H không phải chịu lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP.HCM;
- UBND phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu